TÒA ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2023
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán, chủ toạ phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

*** Các hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Phạm Lành

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

* **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Bà Vũ Thùy Dương - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên**: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2023, tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 40/ TLST-HNGĐ ngày 01/02/2023 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX- ST ngày 03/3/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Phương Ngọc M, sinh năm 1996.** Có mặt

HKTT: Xóm TĐ, xã T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở: Xóm T, xã T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

*** Bị đơn: Anh Bùi Quốc T, sinh năm 1995.** Có đơn đề nghị hòa giải, xét xử vắng mặt

HKTT: Xóm TĐ, xã T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn xin ly hôn, các bản khai và tại phiên tòa chị Phương Ngọc M trình bày*:** Chị và anh Bùi Quốc T kết hôn năm 2019 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên và tổ chức cưới hỏi theo nghi thức truyền thống của dân tộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị sinh sống tại nhà chồng ở xóm Tân Đức, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên. Trong thời gian sinh sống do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không hòa thuận nên nảy sinh mâu thuẫn cãi vã, vợ chồng chị chính thức ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, hiện chị đã chuyển về sống cùng bà ngoại tại xóm T, xã TĐ, thành phố Thái Nguyên. Chị M xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, mâu thuẫn gia đình đã ở mức trầm trọng nên đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Chị M khai có một con chung là Bùi Tuấn K, sinh ngày 19/01/2020. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tuấn K cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không đề nghị giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Quốc T trong bản tự khai đề ngày 07/02/2023 trình bày: Anh và chị Phương Ngọc M kết hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên. Thời gian đầu chung sống hai vợ chồng bình thường, mâu thuẫn vợ chồng anh chị phát sinh từ năm 2022 do bất đồng quan điểm sống và từ một số vấn đề riêng khiến anh và chị M không tự hòa giải được. Anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị M với lý do chưa giải quyết được hai bên gia đình và mong muốn con có đầy đủ bố mẹ. Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là Bùi Tuấn K, sinh ngày 19/01/2020, nếu chị M nhất quyết ly hôn thì anh đồng ý để chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, anh sẽ cấp dưỡng theo thỏa thuận đôi bên. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không đề nghị giải quyết

Sau khi khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập, lấy lời khai của chị Mai, anh T đồng thời thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và các phiên xét xử nên không thể tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Trong phần tranh tụng, Chị M giữ nguyên quan điểm khởi kiện là đề nghị được ly hôn với anh T. Về con chung, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tuấn K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, công nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 BLTTDS; Tuân thủ quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phương Ngọc M, cho Chị M được ly hôn với anh Bùi Quốc T. Về con chung: Giao con chung là Bùi Tuấn K sinh ngày 19/01/2020 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Tuấn K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu. Tài sản chung, công nợ chung không có, không đề nghị giải quyết. Buộc chị M chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều đang cư trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phương Ngọc M và anh Bùi Quốc T là hợp pháp. Quá trình chung sống anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị M và anh T đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Anh T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không tham gia các phiên hòa giải, bản thân chị M vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn và không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị M đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

3. Về con chung: Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Tuấn K sinh ngày 19/01/2020 và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đồng ý để chị M nuôi con trong trường hợp hai bên ly hôn và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên nên ghi nhận.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Phương Ngọc M phải nộp án dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phương Ngọc M. Cho chị Phương Ngọc M được ly hôn với anh Bùi Quốc T.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Tuấn K, sinh ngày 19/01/2020 cho chị Phương Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Tuấn K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

4. Án phí: Chị Phương Ngọc M phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0000600 ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND nơi NĐ, BĐ cư trú;
- Các ĐS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tứ Xuân